

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị chiến lược - 1104018

Mã lớp học phần: 110401804

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ

Ngày thi: 09/12/2014

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: Bích Thủy Ký tên: h

Giám thị 2: B. Ngân Ký tên: ng

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090358	Nguyễn Phạm Thanh Ngọc	06/08/1994	<u>Thuy</u>		6	sáu	C14QT4	
2	1210090359	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	23/02/1994	<u>Nhung</u>		8.4	tám bốn	C14QT4	
3	1210090361	Nguyễn Thanh Phúc	18/08/1994	<u>Phuc</u>		7.2	bảy hai	C14QT4	
4	1210090362	Phạm Hữu Phúc	08/09/1993	<u>Phuc</u>		6.6	sáu sáu	C14QT4	
5	1210090360	Lương Kim Phụng	25/05/1994	<u>Phung</u>		7.4	bảy bốn	C14QT4	
6	1210090364	Bùi Hoàng Minh Quân	02/02/1993	<u>Quyn</u>		8	tám	C14QT4	
7	1210090368	Nguyễn Duy Quý	02/08/1994	<u>Quy</u>		5.6	năm sáu	C14QT4	
8	1210090369	Trần Thị Trúc Uyên	19/01/1994	<u>Uyen</u>		6.4	sáu bốn	C14QT4	
9	1210090370	Võ Thị Bảo Uyên	10/04/1994	<u>Uyen</u>		6.8	sáu tám	C14QT4	
10	1210090371	Nguyễn Trương Diễm Quỳnh	27/04/1994	<u>Quynh</u>		7.8	bảy tám	C14QT4	
11	1210090372	Phan Nguyễn Xuân Quỳnh	25/08/1994	<u>Quynh</u>		6.2	sáu hai	C14QT4	
12	1210090373	Hồ Thị Quý	07/11/1993	<u>Quy</u>				C14QT4	Nợ HP
13	1210090375	Lương Thị Ngọc Quý	15/09/1994	<u>Quy</u>		6.2	sáu hai	C14QT4	
14	1210090377	Phạm Thị Kim Sa	20/02/1994	<u>Sa</u>		8	tám	C14QT4	
15	1210090379	Lâm Thành Sang	03/05/1992	<u>Sang</u>		7.8	bảy tám	C14QT4	
16	1210090381	Nguyễn Thanh Sang	10/08/1993	<u>Sang</u>		6.2	sáu hai	C14QT4	
17	1210090383	Võ Trọng Sang	05/12/1994	<u>Sang</u>		6.8	sáu tám	C14QT4	
18	1210090384	Lưu Đạt Sanh	12/01/1994	<u>Sanh</u>		7.6	bảy sáu	C14QT4	
19	1210090386	Vòng Lý Sáng	11/04/1991	<u>Sang</u>		7.6	bảy sáu	C14QT4	
20	1210090396	Lâm Phú Sĩ	05/06/1994	<u>Si</u>		8.2	tám hai	C14QT4	
21	1210090388	Dương Hồng Sơn	18/12/1994	<u>Son</u>		8	tám	C14QT4	
22	1210090389	Dương Xuân Sơn	28/07/1994	<u>Son</u>		8	tám	C14QT4	
23	1210090390	Lại Văn Sơn	04/03/1994	<u>Son</u>		7.4	bảy bốn	C14QT4	
24	1210090395	Thị Sre	1991	<u>Sre</u>		8	tám	C14QT4	
25	1210090392	Hồ Thị Thanh Sương	02/09/1994	<u>Suong</u>		8.2	tám hai	C14QT4	
26	1210090407	Ngô Tấn Tài	12/10/1994	<u>Tai</u>		8	tám	C14QT4	
27	1210090409	Nguyễn Đức Tài	27/05/1994	<u>Tai</u>				C14QT4	Nợ HP
28	1210090410	Nguyễn Tấn Tài	20/11/1994	<u>Tai</u>		7.6	bảy sáu	C14QT4	
29	1210090397	Dương Thị Nhật Tâm	27/10/1993	<u>Tam</u>		7.8	bảy tám	C14QT4	
30	1210090398	Nguyễn Ngọc Thùy Tâm	10/07/1993	<u>Tam</u>		8.2	tám hai	C14QT4	
31	1210090399	Nguyễn Thị Thanh Tâm	10/04/1994	<u>Tam</u>		8	tám	C14QT4	
32	1210090400	Trần Lữ Thanh Tâm	08/06/1994	<u>Tam</u>		7	bảy	C14QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090402	Trương Hồng Tâm	02/12/1994	<i>[Signature]</i>		8	<i> tám</i>	C14QT4	
34	1210090403	Huỳnh Chí Tân	27/01/1994	<i>[Signature]</i>		8	<i> tám</i>	C14QT4	
35	1210090404	Nguyễn Minh Tân	17/01/1994	<i>[Signature]</i>		6	<i> sáu</i>	C14QT4	
36	1210090405	Phan Thành Tân	09/03/1994	<i>[Signature]</i>		7.6	<i> bảy sáu</i>	C14QT4	
37	1210090414	Bùi Kim Thanh	28/08/1994	<i>[Signature]</i>		8	<i> tám</i>	C14QT4	
38	1210090415	Hoàng Thị Thanh	20/09/1993	<i>[Signature]</i>		8.8	<i> bảy tám</i>	C14QT4	
39	1210090416	Lý Võ Lê Minh Thanh	19/05/1992	<i>[Signature]</i>		7.2	<i> bảy hai</i>	C14QT4	
40	1210090417	Ngũ Ái Thanh	18/09/1993	<i>[Signature]</i>		8.8	<i> tám tám</i>	C14QT4	
41	1210090419	Thái Hà Thanh	23/04/1994	<i>[Signature]</i>		6.6	<i> sáu sáu</i>	C14QT4	
42	1210090420	Trần Hồng Thanh	27/08/1993	<i>[Signature]</i>		6.8	<i> sáu tám</i>	C14QT4	
43	1210090421	Phạm Thị Thu Thao	18/05/1993	<i>[Signature]</i>		7	<i> bảy</i>	C14QT4	
44	1210090422	Lương Trung Thành	15/10/1993	<i>[Signature]</i>		6.8	<i> sáu tám</i>	C14QT4	
45	1210090423	Mai Đức Thành	07/05/1993	<i>[Signature]</i>		6.6	<i> sáu sáu</i>	C14QT4	
46	1210090424	Mai Tấn Thành	18/06/1994	<i>[Signature]</i>		8.8	<i> tám</i>	C14QT4	
47	1210090425	Phan Trần Hữu Thành	30/08/1994	<i>[Signature]</i>		8.6	<i> tám sáu</i>	C14QT4	
48	1210090426	Tất Gia Thành	31/10/1994	<i>[Signature]</i>		8.2	<i> tám hai</i>	C14QT4	
49	1210090428	Trịnh Minh Phương Thành	21/11/1994	<i>[Signature]</i>		7.4	<i> bảy bốn</i>	C14QT4	
50	1210090430	Hoàng Ngọc Thanh Thảo	05/03/1994	<i>[Signature]</i>		8	<i> tám</i>	C14QT4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bản điểm.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị chiến lược - 1104018

Mã lớp học phần: 110401804

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ

Ngày thi: 09/12/2014

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Minh Hiếu Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Kim Liên Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: V.T.Hanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090431	Khru Thị Thanh Thảo	07/06/1993	<u>[Signature]</u>		4.6	bốn sáu	C14QT4	
2	1210090432	Nguyễn Thanh Thảo	10/09/1993	<u>[Signature]</u>		6.8	sáu tám	C14QT4	
3	1210090433	Nguyễn Thị Thảo	16/08/1994	<u>[Signature]</u>		6.2	sáu hai	C14QT4	
4	1210090603	Nguyễn Thị Thảo	1992	<u>[Signature]</u>		6.4	sáu bốn	C14QT4	
5	1210090434	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10/09/1994	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C14QT4	
6	1210090435	Nguyễn Thị Thu Thảo	22/06/1993	<u>[Signature]</u>		5.2	năm hai	C14QT4	
7	1210090436	Phạm Ngọc Thảo	12/03/1994	<u>[Signature]</u>		4.4	bốn, bốn	C14QT4	
8	1210090437	Tân Thị Thu Thảo	19/12/1993	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C14QT4	
9	1210090438	Tô Thị Thảo	05/01/1994	<u>[Signature]</u>		4.4	bốn bốn	C14QT4	
10	1210090440	Võ Thị Phương Thảo	28/01/1993	<u>[Signature]</u>		6.8	sáu tám	C14QT4	
11	1210090429	Nguyễn Công Thái	19/05/1994	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C14QT4	
12	1210090412	Phạm Thị Hồng Thắm	29/04/1994	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C14QT4	
13	1210090413	Trịnh Quốc Thắng	29/06/1994	<u>[Signature]</u>		6.2	sáu hai	C14QT4	
14	1210090442	Nguyễn Thị Kim Thị	15/05/1994	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C14QT4	
15	1210090443	Nguyễn Trường Thị	31/07/1994	<u>[Signature]</u>		6.2	sáu hai	C14QT4	
16	1210090444	Võ Ánh Thị	11/12/1994	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C14QT4	
17	1210090445	Phan Thanh Thiên	06/04/1993	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy bốn	C14QT4	
18	1210090447	Nguyễn Nhứt Thiện	29/07/1994	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C14QT4	
19	1210090457	Nguyễn Hồng Thịnh	20/12/1993						Nợ HP
20	1210090458	Trần Đăng Thịnh	03/12/1994	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C14QT4	
21	1210090451	Lương Thị Kim Thoa	10/06/1994	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C14QT4	
22	1210090452	Lưu Thị Thoa	06/06/1994	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C14QT4	
23	1210090454	Trần Thị Thoa	04/01/1993	<u>[Signature]</u>		6.8	sáu tám	C14QT4	
24	1210090455	Liều Tùng Bách Thông	26/10/1993	<u>[Signature]</u>		4.8	bốn tám	C14QT4	
25	1210090448	Lâm Thị Thơ	27/05/1994	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C14QT4	
26	1210090456	Nguyễn Thị Diệu Thơm	20/10/1994	<u>[Signature]</u>		6.2	sáu hai	C14QT4	
27	1210090463	Lê Thị Kim Thu	17/01/1993	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy bốn	C14QT4	
28	1210090464	Mạch Thị Thu	04/04/1993	<u>[Signature]</u>		8.4	tám bốn	C14QT4	
29	1210090465	Trần Thị Xuân Thu	15/08/1992	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy bốn	C14QT4	
30	1210090466	Nguyễn Phước Bích Thuận	14/10/1994	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy bốn	C14QT4	
31	1210090467	Trương Nguyễn Thuận	30/06/1994						Nợ HP
32	1210090472	Huỳnh Ngọc Thanh Thủy	25/09/1994	<u>[Signature]</u>		4	bốn	C14QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090473	Lê Thị Thu	Thủy	13/06/1994	<i>[Signature]</i>		6.2	Sáu, hai	C14QT4	
34	1210090474	Mai Trúc	Thủy	07/08/1993	<i>[Signature]</i>		6.6	Sáu, sáu	C14QT4	
35	1210090476	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	21/04/1994					C14QT4	Nợ HP
36	1210090478	Thịnh Thị	Thủy	27/04/1994	<i>[Signature]</i>		8	tám	C14QT4	
37	1210090469	Nguyễn Kim	Thủy	25/06/1994	<i>[Signature]</i>		6.4	Sáu bốn	C14QT4	
38	1210090471	Thái Thanh	Thủy	02/9/1993	<i>[Signature]</i>		7	bảy	C14QT4	
39	1210090449	Huỳnh Diệp Minh	Thư	02/05/1994	<i>[Signature]</i>		5	năm	C14QT4	
40	1210090450	Võ Thị Anh	Thư	23/04/1994	<i>[Signature]</i>		9	chín	C14QT4	
41	1210090459	Hoàng Trần Uyên	Thương	14/11/1994	<i>[Signature]</i>		6	sáu	C14QT4	
42	1210090462	Nguyễn Ngọc	Thức	10/04/1994	<i>[Signature]</i>		6.8	Sáu tám	C14QT4	
43	1210090480	Nguyễn Thị Mỹ	Trúc	25/06/1994	<i>[Signature]</i>		5	năm	C14QT4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm